

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, An Giang
Số điện thoại: 076.834 060 Fax: 076.834 054

Website: www.navicorp.com

Email : namvietagg@hcm.vnn.vn



Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày
công bố thông qua ngày:
25/05/2013

M c l c

Ph n m u	4
I. NH NGH A C C THU T NG TRONG I U L	4
i u 1 nh ngh a.....	4
II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NH NH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A C NG TY:	4
i u 2 Tên, hình th c, Tr s , Chi nh nh, V n phòng i di n và th i h n ho t ng c a C ng ty.....	4
III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A C NG TY:	5
i u 3 M c tiêu c a C ng ty.....	5
i u 4 Ph m vi kinh doanh và ho t ng	5
IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P	6
i u 5 V n i u l , C ph n, C ông sáng l p	6
i u 6 Ch ng ch c phi u.....	6
i u 7 Ch ng ch ch ng khoán khác.....	6
i u 8 Chuy n nh ng c ph n.....	7
i u 9 Thu h i C ph n.....	7
V. C C UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT	8
i u 10 C c ut ch c qu n lý	8
VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG	8
i u 11 Quy n c a C ông.....	8
i u 12 Ngh a v c a C ông.....	9
i u 13 i h i ng c ông	10
i u 14 Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông.....	11
i u 15 Các i di n c y quy n.....	12
i u 16 Thay i các Quy n.....	12
i u 17 Tri ut p i h i ng c ông, ch ng trình h p và Thông báo h p i h i ng c ông.....	13
i u 18 Các i u ki n t i n hành i h i ng c ông	14
i u 19: Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông	14
i u 20: Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	16
i u 21: Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	17
i u 22: Biên b n h p i h i ng c ông.....	18
i u 23: Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông	18
VII. H I NG QU N TR	19
i u 24 Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr	19
i u 25 Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr	20
i u 26 Ch t ch, Phó Ch t ch H i ng qu n tr	22
i u 27: Các cu c h p c a H i ng qu n tr	22
VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ C NG TY	25

i u 28. <u>T ch c b máy qu n lý</u>	25
i u 29. <u>Cán b qu n lý</u>	25
i u 30. <u>B nh i m, mi n nh i m, nh i m v và quy n h n c a Giám c ho c T ng Giám c i u hành</u>	26
i u 31. <u>Th ký Công ty</u>	27
<u>IX. NH I M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , T NG GIÁM C (GIÁM C) I U HÀNH VÀ NG I QU N LÝ</u>	27
i u 32. <u>Trách nh i m c n tr ng c a Thành viên H i ng qu n tr , Giám c ho c T ng Giám c i u hành và cán b qu n lý</u>	27
i u 33. <u>Trách nh i m trung th c và tránh các xung t v quy n l i</u>	27
i u 34. <u>Trách nh i m và b i th ng</u>	28
<u>X. BAN KI M SOÁT</u>	29
i u 35. <u>Thành viên Ban Ki m soát</u>	29
i u 36. <u>Ban Ki m soát</u>	29
<u>XI. QUY N I U TR A S SÁCH VÀ H S CÔNG TY:</u>	31
i u 37. <u>Quy n i u tra s sách và h s</u>	31
<u>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN</u>	31
i u 38. <u>Công nhân viên và Công oàn</u>	31
<u>XIII. PHÂN CHIA L I NHU N</u>	31
i u 39. <u>C t c</u>	32
<u>XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN</u>	32
i u 40. <u>Tài kho n ngân hàng</u>	33
i u 41. <u>Qu d tr b sung v n i u l</u>	33
i u 42. <u>N m tài khóa</u>	33
i u 43. <u>H th ng k toán</u>	33
<u>XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NH I M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG</u>	33
i u 44. <u>Báo cáo hàng n m, sáu tháng và hàng qu ý</u>	33
i u 45. <u>Công b thông tin và Thông báo ra công chứng</u>	34
i u 46. <u>Báo cáo th ng niên</u>	34
<u>XVI. KI M TOÁN CÔNG TY</u>	34
i u 47. <u>Ki m toán</u>	34
<u>XVII. CON D U</u>	35
i u 48. <u>Con d u</u>	35
<u>XVIII. CH M D TH O T NG VÀ THANH LÝ</u>	35
i u 49. <u>Ch m d th o t ng</u>	35
i u 50. <u>Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông</u>	35
i u 51. <u>Gia h n ho t ng</u>	36
i u 52. <u>Thanh lý</u>	34
<u>XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B</u>	36
i u 53. <u>Gi i quy t tranh ch p n i b</u>	36
<u>XX. B SUNG VÀ S A I I UL</u>	37
i u 54. <u>B sung và s a i i ul</u>	37

<u>XXI. NGÀY HI UL C</u>	37
<u> i u 55. Ngày hi ul c</u>	37
<u> i u 56. Ch ký c a các C ông sáng l p</u>	37

Phần mở đầu

i ul này c thông qua b i c ông c a Công ty theo ngh quy th p l c a i h i ng c ông t ch c chính th c v ào ngày 24 tháng 08 n m 2012.

I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I UL

i u 1. nh ngh a

- Trong i ul này, nh ng thu t ng đ i ây s c hi u nh sau:
 - “V n i ul ” có là v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 c a i ul này;
 - “Lu t Doanh nghi p” có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005;
 - “Ngày thành l p” là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký Kinh doanh l n u;
 - “Cán b qu n lý” là Giám c ho c T ng giám c i u hành, Phó giám c ho c Phó T ng Giám c, K toán tr ng và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n.
 - “Ng i có liên quan” là cá nhân ho c t ch c nào c quy nh t i i u 4.17 c a Lu t Doanh nghi p.
 - “Th i h n ho t ng” là th i h n ho t ng c a Công ty c quy nh t i Kho n 6 i u 2 c a i ul này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t.
 - “Vi t Nam” có ngh a là n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam.
- Trong i ul này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác s bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th chúng.
- Các tiêu (Ch ng, i u c a i ul này) c s đ ng nh m thu n ti n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i ul này.
- Các t ho c thu t ng nào c nh ngh a trong Lu t Doanh nghi p (n u không mâu thu n v i ch th ho c ng c nh) s có ngh a t ng t trong i ul này.

II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY:

i u 2. Tên, hình th c, Tr s , Chi nhánh, V n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

- Tên Công ty:
Tên ti ng Vi t: **CÔNG TY C PH N NAM VI T.**
Tên ti ng Anh: **NAM VIET CORPORATION**
Tên vi t t t: **NAVICO.**
- Công ty là Công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.
- Tr s ng ký c a Công ty:
✓ a ch : 19D Tr n H ng o, Ph ng M Quý, TP.Long Xuyên, An Giang.

- ✓ Điện thoại : 84.76. 834 060
- ✓ Fax : 84.76. 834 054
- ✓ E-mail : namvietagg@hcm.vnn.vn
- ✓ Website : www.navicorp.com.vn

4. Tổng Giám đốc Công ty là người đi n theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đi n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i Ngh quy t c a H i ng qu n tr và trong ph m vi luật pháp cho phép.
6. Tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n theo i u 48.2 và i u 49 ho c gia h n ho t ng theo i u 50 c a i u l này, th i h n ho t ng c a Công ty s b t u t ngày thành l p và là vô th i h n.

III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY:

i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty

1. Lĩnh v c kinh doanh c a Công ty :

- Xây d ng công trình dân d ng, công nghi p, giao thông, thu l i,
- Ch n nuôi, ch b i n thu s n,
- Mua bán thu s n,
- S n xu t bao bì gi y,
- In n bao bì các lo i,
- S n xu t d u Bio – diesel,
- Ch b i n d u cá và b t cá,
- S n xu t keo genlatine và glycerin,
- Khai thác khoáng s n: Crômít, mu i m công nghi p và kim lo i màu,
- S n xu t kinh doanh phân bón,
- Mua bán kim lo i và qu ng kim lo i,
- S n xu t, ch b i n th c n th y s n,
- Mua bán th c n th y s n.
- Truy n t i và phân ph i i n
- L p th th ng i n

2. **M c tiêu ho t ng c a Công ty:** Huy ng và s d ng ng v n có hi u qu , không ng ng phát tri n các ngu n l c, c i t i n ch t l ng, nâng cao n ng l c c nh tranh nh m th a mãn nhu c u ngày càng cao c a khách hàng, c i thi n i u ki n làm vi c, n nh cu c s ng cho ng i lao ng, b o m l i ích h p pháp c a các c ông và làm tròn ngh a v i v i Nhà n c.

i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng

1. Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh quy nh trong Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và i u l này phù h p v i quy nh c a Pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác nhau được pháp luật cho phép và các Hội đồng quản trị phê chuẩn.

IV. V N I U L , C P H N , C Ô N G S Á N G L P

điều 5. V n i u l , C p h n , C ô n g s á n g l p.

1. V n i u l c a Công ty là **660.000.000.000 VND** (Sáu trăm sáu mươi nghìn Việt Nam).

Tổng số V n i u l c a Công ty được chia thành 66.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn i u l khi cần thiết thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua i u l này bao gồm các phần phổ thông. Các quy định và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại i u 11 i u 12.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về công suất l p theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục kèm. Phụ lục này là một phần của i u l này.

6. Cổ phần phổ thông phải ưu tiên chào bán cho các công nhân viên theo thứ tự ưu tiên ưu đãi của họ và gia đình họ trong Công ty, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quy định khác. Công ty phải thông báo về việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần chào bán và thời hạn ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) trước khi có thể ký mua. Số cổ phần công nhân viên không ký mua hết do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các cá nhân theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thu nhập hiện tại của cá nhân đã chào bán cho các công nhân viên, trừ trường hợp Hội đồng quản trị chấp thuận khác trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm giao dịch Chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong i u l này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là Cổ phiếu ưu đãi và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của i u l này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi cần thiết thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục đăng ký chứng khoán.

điều 6. Chứng khoán phi ưu

1. Công ty có thể phát hành chứng khoán khác ngoài chứng khoán ưu đãi và loại cổ phần ưu đãi, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 của i u 6.

2. Chứng khoán phi ưu phải có đủ các điều kiện của Công ty và được ký và ghi tên theo pháp luật của Công ty theo các quy định của Luật doanh nghiệp. Chứng khoán phi ưu phải ghi rõ số lượng và loại phi ưu mà công nhân viên, họ và tên đăng ký (nếu là cổ phiếu)

ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp. Mọi chi phí ghi danh chỉ đi kèm cho một loại chứng khoán.

3. Trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua chứng khoán theo quy định thì phải nộp chi phí ghi danh của Công ty, người sở hữu chứng khoán để cấp chứng khoán. Người sở hữu chứng khoán phải trả cho công ty chi phí in chứng khoán chứng khoán hoặc bất kỳ khoản phí gì.

4. Trường hợp chuyển nhượng chứng khoán ghi danh trong chứng khoán chứng khoán, chứng khoán cơ sở hoặc bất kỳ chứng khoán nào thì chứng khoán còn lại sẽ miễn phí.

5. Trường hợp chứng khoán ghi danh bị hủy hoặc bị tẩy xóa hoặc bị mất, mất hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu chứng khoán có thể yêu cầu cấp chứng khoán mới và chi phí in chứng khoán và thanh toán chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng khoán ghi danh vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bỏ quên chứng khoán và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng khoán này bị mất hoặc bị thất lạc.

7. Công ty có thể phát hành chứng khoán ghi danh không theo hình thức chứng khoán. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các chứng khoán ghi danh (theo hình thức chứng khoán hoặc không chứng khoán) để chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng khoán và chuyển nhượng chứng khoán theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thủ tục chứng khoán và điều lệ này.

Điều 7. Chứng khoán khác

Chứng khoán trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các trái phiếu chào bán, các chứng khoán trái phiếu và các tài liệu liên quan), sẽ được phát hành có đủ và chi phí in chứng khoán đi kèm theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng chứng khoán

1. Tất cả các chứng khoán có thể được chuyển nhượng trừ khi điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thủ tục chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Chứng khoán chưa thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hủy chứng khoán.

Điều 9. Thủ tục chứng khoán

1. Trường hợp công ty không thanh toán đầy đủ và ứng dụng tiền để trả tiền mua chứng khoán, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu công ty thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và ngừng chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số chứng nhận của thanh toán hàng hóa thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không thể hiện, trừ khi thanh toán trực tiếp các khoản phí nhập, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các chứng nhận thu hồi theo quy định tại các khoản 4,5 và 6 và trong các trường hợp khác quy định tại Điều này.

4. Chứng nhận thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc gifting quy định cho người đã sử dụng chứng nhận thu hồi hoặc các thị trường khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Công ty có thể chấp nhận thu hồi số chứng nhận bất cứ cách nào mà công ty nghĩ cần thiết, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan công vụ và tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% mệnh giá) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quy định về việc công bố thanh toán toàn bộ giá trị phí vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ gửi ngay lập tức cho chứng nhận thu hồi trừ khi có điều kiện thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể từ trường hợp có sai sót hoặc bất cứ trong việc gửi thông báo.

V. C C U T C H C, Q U N L Ý V À K I M S O Á T

Điều 10. C c u t c h c q u n l ý

C c u t c h c q u n l ý c a Công ty bao gồm:

- Chỉ định công;
- Hội đồng quản trị;
- Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát.

VI. C Ô N G V À H H I N G C Ô N G

Điều 11 Quy định của Công

1. Công ty là nhà sản xuất của Công ty, có các quy định và nghĩa vụ tương ứng theo số chứng nhận và loại chứng nhận mà nhà sản xuất. Công ty chịu trách nhiệm về nghĩa vụ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ chứng nhận phải thông báo các quy định sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp chỉ định công và thực hiện quy định biểu quyết trực tiếp tại chỉ định công hoặc thông qua đại diện của quy định hoặc thực hiện biểu quyết xa.

b. Nhận tất cả các chi phí theo quy định của chỉ định công;

c. Chuyển nhượng chứng nhận đã thanh toán ngay theo quy định của Điều này và pháp luật hiện hành;

d. Các ưu tiên mua các phiếu miễn chào bán từng ngày với các phần thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến công trong danh sách công để cách tham gia để hưởng công và yêu cầu sai các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lệ hoặc sao chép nội dung công ty, số biên bản họp để hưởng công và các quy tắc để hưởng công;

g. Trả góp Công ty giá trị, chuyển tài sản còn lại của công ty vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nhân và các công nợ khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quy định khác theo quy định của Điều này và pháp luật.

3. Công họ nhóm công nhận trên 5% tổng số phần thông trong thị trường liên tục 06 tháng trở lên có các quy định sau:

a. Các thành viên của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại các Điều 24.3 và Điều 35.2;

b. Yêu cầu rút phần hưởng công;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công có quyền tham dự và biểu quyết để hưởng công;

d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề liên quan đến quy định, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp, chức vụ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, chứng thực cá nhân hợp pháp khác để xác định công là cá nhân; tên, địa chỉ, nghề nghiệp, chức vụ, số quy định thành lập hoặc số giấy kinh doanh để xác định công là tổ chức; số lượng phần và thời gian ký cổ phần tại công, tổng số phần của nhóm công và tổng số phần của công ty; vấn đề kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quy định khác quy định tại Điều này.

Điều 12 Nghĩa vụ của Công

Các Công có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định của Công ty; chấp hành quy định của Hội đồng công, Hội đồng quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp để hưởng công và thực hiện quy định bắt buộc quy định trực tiếp hoặc thông qua đại diện để quy định hoặc thực hiện biểu quyết. Công có thể quy định cho thành viên để hưởng quản trị làm đại diện cho mình để thực hiện hưởng công.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã ký mua theo quy định;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi ký mua cổ phần;

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty để làm việc hình thức thực hiện nhiệm vụ trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tài sản hành kinh doanh và các giao dịch khác từ lợi ích cá nhân của cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ của công ty tài chính có thể xảy ra vì lợi ích của công ty;

Điều 13. Nghĩa vụ

1. Nghĩa vụ của công ty là các quy định cao nhất của Công ty. Nghĩa vụ của công ty thường niên được thực hiện bởi các thành viên của công ty. Nghĩa vụ của công ty thường niên trong tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị của công ty thường niên và các thành viên của công ty thường niên quy định các quy định và pháp luật và điều lệ Công ty, công bố thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các giám đốc viên của công ty tham gia vào việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị của công ty thường niên trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b. Bổ sung các khoản chi phí hàng năm, các báo cáo quý hoặc năm, báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh về chi phí và lợi nhuận;

c. Khi các thành viên của Hội đồng quản trị trở thành thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít nhất là thành viên quy định trong điều lệ;

d. Công ty hoặc nhóm công ty quy định tại điều 11.3 của điều lệ này yêu cầu từ chối của công ty thường niên về các khoản chi phí. Các thành viên của công ty thường niên (các thành viên của công ty thường niên) có thể lập thành một ủy ban chi phí (các thành viên của công ty thường niên) có thể lập thành một ủy ban chi phí (các thành viên của công ty thường niên);

e. Ban Kiểm soát yêu cầu từ chối của công ty thường niên về các khoản chi phí của công ty thường niên có lý do tin tưởng rằng các thành viên của Hội đồng quản trị hoặc các thành viên của công ty thường niên hành xử không công bằng hoặc có ý đồ hành xử ngoài phạm vi quy định của mình.

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

4. Từ chối của công ty thường niên:

a. Hội đồng quản trị của công ty thường niên trong tháng 30 ngày kể từ ngày các thành viên của Hội đồng quản trị còn lại quy định tại khoản 3c của điều 13 hoặc nhóm các yêu cầu quy định tại khoản 3d và 3e của điều 13;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không từ chối của công ty thường niên theo quy định tại khoản 4a của điều 13 thì trong tháng ba tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị của công ty thường niên theo quy định khoản 5 của điều 97 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không từ chối của công ty thường niên theo quy định tại khoản 4b của điều 13 thì trong tháng ba tiếp theo, công ty, nhóm công ty hoặc yêu cầu nêu tại khoản 3d của điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát từ chối của công ty thường niên theo quy định khoản 6 của điều 97 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, công ty hoặc nhóm công ty từ chối của công ty thường niên có thể thực hiện giám sát việc từ chối và tiến hành hành động xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc tri ết và tiến hành hình thành công s ả Công ty hoàn ả. Chi phí này không bao g ồm nh ững chi phí do công chi tiêu khi tham đ ể hình thành công, k ể chi phí n ền và ả ả.

đ ể 14 Quy ể và nh ể m ể v ể c ả ả hình thành công s ả

1. Hình thành công s ả nh ể niên có quy ể nh ể o ả và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính k ể toán hàng n ể;
 - b. Báo cáo c ả Ban K ể m ể soát;
 - c. Báo cáo c ả H ể ể ể qu ể n ể tr ể;
 - d. K ể ho ể phát triển n ể nh ể và dài h ể c ả Công ty.
2. Hình thành công s ả nh ể niên và b ể th ể thông qua quy ể nh ể b ể ể v ể n ể b ể n ể v ể các v ể n ể sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng n ể;
 - b. M ể c ể t ể c ể thanh toán hàng n ể m ể cho m ể ể lo ể c ể ph ể nh ể phù ể h ể v ể ể Lu ể t Doanh ể ể p ể và các quy ể n ể ể n ể v ể ể lo ể c ể ph ể n ể ó. M ể c ể t ể c ể này không cao h ể n ể m ể c ể mà H ể ể ể qu ể n ể tr ể ể ể sau khi ể tham k ể o ể ý k ể n ể các c ể công t ể ể ể hình thành công s ả;
 - c. S ể ể ể thành viên c ả H ể ể ể qu ể n ể tr ể;
 - d. L ể a ể n ể Công ty k ể m ể toán;
 - e. B ể u, b ể ể m ể n ể và thay ể th ể thành viên H ể ể ể qu ể n ể tr ể và Ban K ể m ể soát và phê ể chu ể n ể v ể c ể H ể ể ể qu ể n ể tr ể b ể nh ể m ể Giám ể c ể ho ể T ể ể ể giám ể c ể ể u ể h ể hành;
 - f. T ể ể s ể t ể n ể thù ể lao ể c ả các thành viên H ể ể ể qu ể n ể tr ể và Báo cáo t ể n ể thù ể lao ể c ả H ể ể ể qu ể n ể tr ể;
 - g. B ể sung và s ể a ể ể ể ể u ể l Công ty;
 - h. Lo ể c ể ph ể n ể và s ể ể ể ể ph ể n ể m ể ể s ể c ể phát hành cho m ể ể lo ể c ể ph ể n ể, và v ể c ể chuy ể n ể nh ể ể ể ph ể n ể c ả thành viên sáng ể l ể trong vòng ba n ể m ể u ể tiên k ể t ể ngày thành ể l ể p ể.
 - i. Chia, tách, h ể p ể nh ể t, sáp ể nh ể p ể ho ể chuy ể n ể ể Công ty;
 - j. T ể ch ể c ể l ể ể và gi ể ể th ể (thanh lý) Công ty và ch ể nh ể ể ể thanh lý;
 - k. K ể m ể tra và x ể lý các v ể ph ể m ể c ả H ể ể ể qu ể n ể tr ể ho ể Ban K ể m ể soát g ể y ể thi ể th ể ể cho Công ty và các c ể công c ả Công ty;
 - l. Quy ể nh ể giao đ ể ch ể bán tài s ể n ể Công ty ho ể chi nhánh ho ể giao đ ể ch ể mua có giá tr ể t ể 50% tr ể lên t ể ể giá tr ể tài s ể n ể c ả Công ty và các chi nhánh c ả Công ty c ể ghi trong báo cáo tài chính ể c ể k ể m ể toán g ể n ể nh ể t ể;
 - m. Công ty mua ể ể h ể n ể 10% m ể t ể lo ể c ể ph ể n ể phát hành;
 - n. V ể c ể Giám ể c ể ho ể T ể ể ể Giám ể c ể ể u ể h ể hành ể ể th ể ể làm ch ể t ể ch ể H ể ể ể qu ể n ể tr ể;
 - o. Công ty ho ể các chi nhánh c ả Công ty ký k ể t ể h ể p ể ể v ể ể nh ể ể ể ể ể c ể quy ể nh ể t ể ể đ ể ể u ể 120.1 c ể a Lu ể t Doanh ể ể ể p ể v ể ể giá tr ể b ể ể ho ể l ể n ể h ể n ể 20% t ể ể giá tr ể tài s ể n ể c ả Công ty và các chi nhánh c ả Công ty c ể ghi trong báo cáo tài chính ể c ể k ể m ể toán g ể n ể nh ể t ể;
 - p. Các v ể n ể khác theo quy ể nh ể c ể a ể ể u ể l ể này và các quy ể ch ể khác c ả Công ty.

3. Công không được tham gia bất kỳ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các hợp đồng quy định điều 14.2 điều này khi công có liên quan tới công đó là một bên chấp hành;
 - b. Việc mua lại phần của công đó hoặc công có liên quan tới công đó từ trường hợp việc mua lại phần của chính mình theo thỏa thuận các công hoặc việc mua lại phần của chính mình thông qua người mua công khai trên Sổ Giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các quy định và các văn bản đã đưa vào chương trình hợp pháp của công ty và biểu quyết của hội đồng.

Điều 15. Các điều kiện quy định

1. Các công có quyền tham dự hội đồng công theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhu cầu mua cổ phiếu của công ty thì phải xác nhận thanh toán và số tiền mua cổ phiếu của công ty.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện để hợp pháp hóa công việc lập thành văn bản theo mục của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp công nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của công nhân và người ủy quyền;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của công nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của công nhân và người ủy quyền;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công nhân và người ủy quyền.
 Người ủy quyền để hợp pháp hóa công việc này phải ký tên và ghi rõ họ tên khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chuyển nhượng cổ phiếu thì người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có thẩm quyền ký giấy chuyển nhượng cổ phiếu nếu có mặt cùng với người ủy quyền cho luật sư hoặc bên sao hợp pháp của người ủy quyền (nếu trường hợp chữ ký của Công ty).
4. Trường hợp quy định khoản 3 điều 15, biểu quyết của người ủy quyền để hợp pháp hóa trong phạm vi của người ủy quyền có thẩm quyền khi có mặt trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ việc ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ thẩm quyền của người đại diện theo ủy quyền.
 Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt trong các sắc lệnh trên bản miễn nhiệm giám đốc giải khai miễn chức vụ người đại diện theo ủy quyền của công nhân khi được chấp thuận từ người ủy quyền.

Điều 16. Thay đổi các quy định

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quy định của nội quy nội bộ công ty phải được thông qua khi có sự nhất trí của ban chấp hành công ty.

nh t 65% c p h n ph thông tham d h p thông qua ng th i c c ông n m gi 75% quy n bi u quy t c a lo i c p h n u ã nói trên bi u quy t thông qua. Vi c t ch c cu c h p c a các c ông n m gi m t lo i c p h n u ã thông qua vi c thay i quy n nêu trên ch có giá tr khi có t i thi u hai (02) c ông (ho c i di n c y quy n c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba (1/3) giá tr m nh giá c a các c p h n lo i ó ã phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nêu nh trên thì cu c h p c t ch c l i trong vòng ba m i (30) ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c p h n thu c lo i ó có m t tr c t i p ho c qua ng i i di n có th yêu c u b phi u kín. M i c p h n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang nhau t i các cu c h p nêu trên.

2. Th t c t i n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 18 và i u 20

3. Tr khi các i u kho n phát hành c p h n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c p h n u ã i v i m t s ho c t t c các v n li ên quan n chia s l i nhu n ho c tài s n c a Công ty s không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c p h n cùng lo i.

i u 17 Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr tri u t p i h i ng c ông, ho c i h i ng c ông c tri u t p theo các tr ng h p quy nh t i i u 13.4b ho c i u 13.4c.

2. Ng i tri u t p i h i ng c ông ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:

a. Chu n b danh sách các c ông i u ki n tham gia v à bi u quy t t i i h i trong vòng 30 ngày tr c ngày t i n hành i h i ng c ông; ch ng trình h p và các tài li u theo quy nh phù h p v i lu t pháp và các quy nh c a Công ty;

b. Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i;

c. Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ông cho t t c các c ông có quy n d h p.

3. Thông báo h p i h i ng c ông ph i bao g m ch ng trình h p và các thông tin li ên quan v các v n s c th o lu n và bi u quy t t i i h i. i v i các c ông ã th c hi n vi c l u ký c phi u, thông báo h p i h i ng c ông có th c g i n t ch c l u ký, ng th i công b trên ph ng ti n thông tin c a S giao d ch Ch ng khoán, trên Website c a công ty, 01 t báo trung ng ho c 01 t báo a ph ng n i công ty óng tr s chính. i v i các c ông ch a th c hi n vi c l u ký c phi u, thông báo h p i h i ng c ông có th c g i cho c ông b ng cách chuy n t n tay ho c g i qua b u i n b ng ph ng th c b o m t i a ch ã ng ký c a c ông, ho c t i a ch do c ông ó cung c p ph c v vi c g i thông tin. Tr ng h p c ông ã thông báo cho Công ty b ng v n b n v s fax ho c a ch th i n t , thông báo h p i h i ng c ông có th c g i t i s fax ho c a ch th i n t ó. Tr ng h p c ông là ng i làm vi c trong Công ty, thông báo có th ng trong phong bì dán kín g i t n tay h t i n i làm vi c. Thông báo h p i h i ng c ông ph i c g i tr c ít nh t m i l m ngày tr c ngày h p i h i ng c ông, (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c b vào hòm th). Tr ng h p công ty có website, thông báo h p i h i ng c ông ph i c công b trên website c a Công ty ng th i v i vi c g i thông báo cho các c ông.

4. Công hoc nhóm công c c p t i i u 11.3 c a i u l này có quy n xu t các v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t 03 ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i ng c ông. xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi và n i dung ngh a vào ch ng trình h p.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i nh ng xu t li ên quan n Kho n 4 c a i u 17 trong các tr ng h p sau:

a. xu t c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;

b. Vào th i i m xu t, c ông ho c nhóm c ông không có ít nh t 5% c ph n ph thông trong th i gian li ên t c ít nh t 6 tháng;

c. V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c ông bàn b c và thông qua.

6. H i ng qu n tr ph i chu n b d th o ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.

7. Tr ng h p t t c c ông i di n 100% s c ph n có quy n bi u quy t tr c ti p tham d ho c thông qua i di n c y quy n t i i h i ng c ông, nh ng quy t nh c i h i ng c ông nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ng h p vi c tri u t p i h i ng c ông không theo úng th t c ho c n i dung bi u quy t không có trong ch ng trình.

i u 18 Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông.

1. i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông d h p i di n cho ít nh t 65% c ph n có quy n bi u quy t.

2. Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i ngày k t ngày d nh t ch c i h i ng c ông l n th nh t. i h i ng c ông tri u t p l i ch c t i n hành khi có thành viên tham d là các c ông và nh ng i di n c u quy n d h p i di n cho ít nh t 51% c ph n có quy n bi u quy t.

3. Tr ng h p i h i l n th hai không c t i n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i ngày k t ngày d nh t i n hành i h i l n hai, và trong tr ng h p này i h i c t i n hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i di n u quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n mà i h i ng c ông l n th nh t có th phê chu n.

4. Theo ngh Ch to i h i ng c ông có quy n thay i ch ng trình h p ã c g i kèm theo thông báo m i h p theo quy nh t i i u 17.3 c a i u l này.

i u 19 Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông.

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ông, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n tham d h p có m t ng ký h t.

tham dự thay thế cho i u hành cụ thể cho lúc kết thúc và hi u l c các bi u quy t t i cụ thể p ó không b nh h ng.

8. Cho t o c a i h i h o c t h ký i h i có th t i n hành các h o t ng mà h th y c n thi t i u khi n i h i ng c ông m t cách h p l và có tr t t ; h o c i h i p h n ánh c mong m u n c a a s tham d .

9. H i ng qu n tr có th yêu c u các c ông h o c i d i n c u quy n tham d i h i ng c ông ch u s ki m tra h o c các bi n pháp an ninh mà H i ng qu n tr cho là thích h p. Tr ng h p có c ông h o c i d i n c u quy n không ch u tuân th nh ng quy nh v ki m tra h o c các bi n pháp an ninh nói tr ên, H i ng qu n tr sau khi xem xét m t cách c n tr ng có th t ch i h o c tr c xu t c ông h o c i d i n nói tr ên tham gia i h i.

10. H i ng qu n tr , sau khi ã xem xét m t cách c n tr ng, có th t i n hành các bi n pháp c H i ng qu n tr cho là thích h p :

- i u ch nh s ng i có m t t i a i m chính h p i h i ng c ông;
- B o m an toàn cho m i ng i có m t t i a i m ó;
- T o i u ki n cho c ông tham d i h i (h o c t i p t c tham d) i h i.

H i ng qu n tr có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu tr ên và áp d ng t t c các bi n pháp n u H i ng qu n tr th y c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a h o c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

11. Trong tr ng h p t i i h i ng c ông có áp d ng các bi n pháp nói tr ên, H i ng qu n tr khi xác nh a i m i h i có th :

- Thông báo r ng i h i s c t i n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch o t o i h i s có m t t i ó (“ a i m chính c a i h i”);
- B trí, t ch c nh ng c ông h o c i d i n c u quy n không d h p c theo i u kho n này h o c nh ng ng i m u n tham gia a i m khác v i a i m i h i chính có th ng th i tham d i h i.

Thông báo v vi c t ch c i h i không c n ph i a ra chi t i t v nh ng bi n pháp t ch c theo i u kho n này.

12. Trong i u l này (tr khi hoàn c nh yêu c u khác), m i c ông s c coi là tham gia i h i a i m chính c a i h i.

Hàng n m Công ty ph i t ch c i h i ng c ông ít nh t m t l n. i h i ng c ông th ng niên không c t ch c d i hình th c l y ý ki n b ng v n b n.

i u 20 Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.

1. Tr tr ng h p quy nh t i Kho n 2 c a i u 20, các quy t nh c a i h i ng c ông v các v n sau ây s c thông qua khi có t 65% tr lên t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c t i p h o c thông qua i d i n c u quy n có m t t i i h i ng c ông.

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng n m;
- K ho ch phát tri n ng n h n và dài h n c a công ty;
- B u, bãi mi n và thay th thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát và phê chu n vi c H i ng qu n tr b nhi m Giám c h o c T ng giám c i u h ành.

2. Các quy t nh c a i h i ng c ông liên quan n vi c s a i và b sung i u l , lo i c phi u và s l ng c phi u c chào bán, sáp nh p, tái t ch c và

giá trị Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã kê khai toán gần nhất sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quyền có mặt tại hội đồng công đồng.

Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến công đồng về vấn đề thông qua quy định của hội đồng công đồng.

Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến công đồng về vấn đề thông qua quy định của hội đồng công đồng được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến công đồng về vấn đề thông qua quy định của hội đồng công đồng bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đầy đủ ý kiến, dự thảo quy định của hội đồng công đồng và các tài liệu đi kèm dự thảo quy định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quy định và tài liệu đi kèm phải được gửi bằng phương thức bảo mật cho các thành viên công đồng; Hội đồng quản trị phải mời, công bố tài liệu cho các công đồng trong một thời gian hợp lý xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp thường niên của phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thành phố, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công đồng là cá nhân; tên, địa chỉ thành phố, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công đồng hoặc đại diện theo quyền của công đồng là tổ chức; số lượng phần trăm và số phiếu biểu quyết của công đồng;

d. Vấn đề lấy ý kiến thông qua quy định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi vào công ty phiếu lấy ý kiến để trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến để trả lời phải có chữ ký của công đồng là cá nhân, của người đại diện theo quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của công đồng là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi vào công ty phải được niêm phong bì dán kín và không ai có mặt trực tiếp khi kê khai phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi vào công ty sau thời hạn đã xác định thì nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc bất kỳ nội dung nào không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kê khai phiếu và lập biên bản kê khai phiếu để gửi Ban kiểm soát hoặc các công đồng không nắm giữ cổ phần của Công ty. Biên bản kê khai phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh;

- b. Mục đích và các văn bản lý giải thông qua quy trình;
- c. Số công việc sản phẩm bị quy tắc đã tham gia bị quy tắc, trong đó phân biệt sản phẩm bị quy tắc hợp lệ và sản phẩm bị quy tắc không hợp lệ, kèm theo phôi lịch danh sách công việc tham gia bị quy tắc;
- d. Tổng sản phẩm tán thành, không tán thành và không có ý kiến về việc sản phẩm;
- e. Các quy tắc đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đi diễn theo pháp luật của công ty và các người giám sát kiểm tra sản phẩm.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm tra sản phẩm phải liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm tra sản phẩm; liên hệ chịu trách nhiệm về các thủ tục phát sinh từ các quy tắc đã được thông qua do kiểm tra sản phẩm không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm tra sản phẩm được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi (24) giờ và gửi kèm các công việc trong vòng mười lăm ngày, kết thúc kết thúc kiểm tra sản phẩm.

7. Phụ lục lý giải đã được trình bày, biên bản kiểm tra sản phẩm, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phụ lục lý giải sản phẩm để gửi tới các chính của Công ty.

8. Quy trình của Hội đồng quản trị hình thức lý giải bằng văn bản được thông qua trước số công việc đi diễn ít nhất 75% tổng sản phẩm bị quy tắc chấp thu. Quy trình này có giá trị quy trình được thông qua tại cuộc họp Hội đồng.

Điều 22: Biên bản họp Hội đồng

Người chỉ đạo Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Hội đồng. Biên bản họp Hội đồng phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi kèm các công việc trong vòng mười lăm ngày khi Hội đồng kết thúc. Biên bản họp Hội đồng được coi là bằng chứng xác thực về nội dung công việc đã tiến hành tại Hội đồng trừ khi có ý kiến phản biện nội dung biên bản của các thành viên theo đúng quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản họp Ban chấp hành Tổng công ty, có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký, và chấp hành theo quy định của Luật doanh nghiệp và tài liệu này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ sách của các công việc dự và văn bản quy định tham dự phải gửi tới các chính của Công ty.

Điều 23: Yêu cầu huỷ quy trình của Hội đồng

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Hội đồng công bố biên bản kết quả kiểm tra sản phẩm lý giải Hội đồng, công việc, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc cơ quan tài xế xem xét, huỷ quy trình của Hội đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục trình bày Hội đồng không thể hiện đúng theo quy định của Luật này và nội dung công ty;

2. Trình t, th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m pháp lu t ho c i u l công ty.

Tr ng h p quy t nh c a i h i ng c ông b h y b theo quy t nh c a Tòa án ho c tr ng tài, ng i tri u t p cu c h p i h i ng c ông b h y b có th xem xét t ch c l i i h i ng c ông trong vòng 30 ngày theo trình t, th t c quy nh t i Lu t Doanh nghi p và i u l này.

VII. H I NG QU N TR

i u 24 Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên c a H i ng qu n tr ít nh t là n m (05) ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i. Nhi m k c a H i ng qu n tr là n m (05) n m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m; thành viên H i ng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . T ng s thành viên H i ng qu n tr c l p không i u hành ho c thành viên H i ng qu n tr c l p ph i chi m ít nh t m t ph n ba t ng s thành viên H i ng qu n tr . S l ng t i thi u thành viên H i ng qu n tr không i u hành ho c thành viên c l p c xác nh theo ph ng th c làm tròn xu ng.

2. Thành viên c a H i ng qu n tr do các c ông sáng l p c theo t l s h u c ph n c a t ng c ông sáng l p. Các c ông sáng l p c quy n g p t l s h u c ph n vào v i nhau b phi u c các thành viên H i ng qu n tr .

3. Các c ông n m gi c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (06) tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi t 5% n d i 10% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 10% n d i 30% c c t i a hai (02) ng viên; t 30% n d i 40% c c t i a ba (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% n d i 60% c c t i a n m (05) ng viên; t 60% n d i 70% c c t i a sáu (06) ng viên; t 70% n d i 80% c c t i a b y (07) ng viên; t 80% n d i 90% c c t i a tám (08) ng viên.

4. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo m t c ch do công ty quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr công ty. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi t i n hành c .

5. Thành viên H i ng qu n tr s không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:

a. Thành viên ó không còn t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;

b. Thành viên ó g i n b ng v n b n xin t ch c n tr s chính c a Công ty;

c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và các thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;

d. Thành viên ó v ng m t, không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr liên t c trong vòng 6 tháng, và trong th i gian này H i ng qu n tr không cho phép thành viên ó v ng m t và ã phán quy t r ng ch c v c a ng i này b b tr ng;

e. Thành viên ó b cách ch c thành viên H i ng qu n tr theo quy t nh c a i h i ng c ông.

6. H i ng qu n tr có th b nhi m thành viên H i ng qu n tr m i thay th ch tr ng phát sinh và thành viên m i này ph i c ch p thu n t i i h i ng c ông ngay t i p sau ó. Sau khi c i h i ng c ông ch p thu n, vi c b nhi m thành viên m i ó s c coi là có hi u l c vào ngày c H i ng qu n tr b nhi m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr m i c tính t ngày vi c b nhi m có hi u l c n ngày k t thúc nhi m k c a H i ng qu n tr. Trong tr ng h p thành viên m i không c i h i ng c ông ch p thu n, m i quy t nh c a H i ng qu n tr cho n tr c th i i m di n ra i h i ng c ông có s tham gia bi u quy t c a th ành viên H i ng qu n tr thay th v n c coi là có hi u l c.

7. Vi c b nhi m các thành viên H i ng qu n tr ph i c công b thông tin theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

8. Thành viên H i ng qu n tr không nh t thi t ph i là ng i n m gi c ph n c a Công ty.

i u 25 Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr

1. Ho t ng kinh doanh và các công vi c c a Công ty ph i ch u s qu n lý ho c ch o th c hi n c a H i ng qu n tr. H i ng qu n tr là c quan có y quy n h n th c hi n t t c các quy n nhân danh Công ty tr nh ng th m quy n c a i h i ng c ông.

2. H i ng qu n tr có trách nhi m giám sát Giám c ho c T ng giám c i u hành và các cán b qu n lý khác.

3. Quy n và ngh a v c a H i ng qu n tr do lu t pháp, i u l , các quy ch n i b c a Công ty và quy t nh c a i h i ng c ông quy nh. C th , H i ng qu n tr có nh ng quy n h n và nhi m v sau:

a. Quy t nh k ho ch phát tri n s n xu t kinh doanh và ngân sách hàng n m;

b. Xác nh các m c tiêu ho t ng trên c s các m c tiêu chi n l c c i h i ng c ông thông qua.

c. B nhi m và bãi nhi m các cán b qu n lý công ty theo ngh c a Giám c ho c T ng Giám c i u hành và quy t nh m c l ng c a h ;

d. Quy t nh c c ut ch c c a Công ty;

e. Gi i quy t các khi u n i c a Công ty i v i cán b qu n lý c ng nh quy t nh l a ch n i đi n c a Công ty gi i quy t các v n liên quan t i các th t c pháp lý i v i cán b qu n lý ó;

f. xu t các lo i c phi u có th phát hành và t ng s c phi u phát hành theo t ng lo i;

g. xu t vi c phát hành trái phi u, trái phi u chuy n i thành c phi u và các ch ng quy n cho phép ng i s h u mua c phi u theo m c giá nh tr c;

h. Quy t nh giá chào bán trái phi u, c phi u và các ch ng khoán chuy n i trong tr ng h p c i h i ng c ông y quy n;

i. B nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc iu hành hay cán bộ quản lý hoặc người đi đ của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng ó là vì lợi ích t cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không trái v các quy n theo h p ng của nh ng người b bãi nhiệm (nếu có);

j. Báo cáo i h i ng công vi c Hội đồng quản trị b nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) iu hành;

k. Xu t m c c t c hàng n m và xác nh m c c t c t m th i ; t ch c vi c chỉ tr c t c ;

l. Xu t vi c tái c c u l i ho c gi i th Công ty;

4. Nh ng v n sau ây ph i c Hội đồng quản trị phê chu n;

a. Thành l p chi nhánh ho c các v n phòng i đi n c a Công ty;

b. Thành l p các công ty con c a Công ty;

c. Trong ph m vi quy nh t i i u 108.2 của Luật Doanh nghi p và tr tr ng h p quy nh t i i u 120.3 Luật doanh nghi p ph i do i h i ng công phê chu n, Hội đồng quản trị tu t ng th i i m quy t nh vi c th c hi n, s a i và hu b các h p ng l n c a Công ty (bao g m các h p ng mua, bán, sáp nh p, thâu tóm công ty và liên doanh);

d. Ch nh và bãi nhiệm nh ng người c Công ty u nhiệm là i đi n th ng m i và lu t s c a Công ty;

e. Việc vay n và vi c th c hi n các kho n th ch p, b o m, b o lãnh và b i th ng c a Công ty;

f. Các kho n u t không n m trong k ho ch kinh doanh và ngân sách v t quá 10% giá tr k ho ch và ngân sách kinh doanh hàng n m;

g. Việc mua ho c bán c ph n c a nh ng công ty khác c thành l p Việt Nam hay n c ngoài;

h. Việc nh giá các tài s n góp vào Công ty không ph i b ng t i n liên quan n vi c phát hành c phi u ho c trái phi u c a Công ty, bao g m vàng, quy n s đ ng t, quy n s h u trí tu , công ngh và bí quy t công ngh ;

i. Việc công ty mua ho c thu h i không quá 10% m i lo i c ph n;

j. Các v n kinh doanh ho c giao đ ch mà Hội đồng quy t nh c n ph i có s ch p thu n trong ph m vi quy n h n và trách nhi m c a mình;

k. Quy t nh m c giá mua ho c thu h i c ph n c a Công ty.

5. Hội đồng quản trị ph i báo cáo cho i h i ng công v ho t ng c a mình, c th là v vi c giám sát c a Hội đồng quản trị i v i Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc iu hành và nh ng cán bộ quản lý khác trong n m tài chính. Tr ng h p Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho i h i ng công, báo cáo tài chính hàng n m c a Công ty s b coi là không có giá tr và ch a c Hội đồng quản trị thông qua.

6. Tr khi lu t pháp và i u l quy nh khác, Hội đồng quản trị có th u quy n cho nhân viên c p đ i và các cán bộ quản lý i đi n x lý công vi c thay m t cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các i đi n c u quy n thay th) c nh n thù lao cho công vi c c a mình đ i t cách là thành viên Hội đồng quản trị. T ng m c thù lao cho Hội đồng quản trị s do i h i ng công quy t nh. Kho n

thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thứ tự trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không tho thu được.

8. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quy định mua cổ phần và các lợi ích khác của Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là i di nhân viên góp phần ghi chi tiết trong báo cáo tài chính năm của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị không được vi phạm (bao gồm cả vi phạm Chết ch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tổ chức của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm tiền thù lao dựa trên mức độ công việc gắn theo ngành, lĩnh vực, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí liên quan và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức của Hội đồng quản trị hoặc hội đồng công.

Điều 26. Chức năng quản trị

1. Hội đồng công hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị Ủy ban Kiểm soát. Chức năng của Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm phải phê chuẩn hàng năm từ Hội đồng công thường niên.

2. Chức năng của Hội đồng quản trị có trách nhiệm trực tiếp và chịu trách nhiệm công và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quy định và trách nhiệm khác quy định tại Điều này và theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chức năng tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ thực hiện nhiệm vụ của Chức năng theo nguyên tắc sơ quá bán.

3. Chức năng của Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm mở báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kế toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty liên quan.

4. Trường hợp Chức năng của Hội đồng quản trị tạm thời hoặc bất khả, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị Ủy ban Kiểm soát thì cuộc họp ưu tiên của nhiệm vụ Hội đồng quản trị Ủy ban Kiểm soát và ra các quy định khác theo quy định pháp luật tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc Hội đồng quản trị nhiệm vụ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất trực tiếp. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc sơ quá bán.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chức năng của Hội đồng quản trị phải trực tiếp các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm

(05) ngày trước ngày họp đại hội. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý họp ít nhất một lần

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, không cần trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các điều kiện sau đây xảy ra: (b) ngân sách và các vấn đề khác:

- a. Tổng Giám đốc yêu cầu hành động khẩn cấp;
- b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban Kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 của Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có yêu cầu. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo yêu cầu thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra vì lợi ích của Công ty; những người khác chấp thuận Khoản 3 của Điều 27 có thể triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Nội dung: Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành bằng văn bản hoặc ký của Công ty hoặc bằng văn bản khác. Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất mười (05) ngày trước khi triệu tập họp, các thành viên Hội đồng có thể chỉ thông báo miệng bằng văn bản và vì bất cứ lý do nào có thể có hiệu lực. Thông báo họp Hội đồng phải làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo về chương trình, thời gian, nội dung, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề cần bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phụ lục cho những thành viên Hội đồng không thể tham dự.

Thông báo miệng bằng văn bản, fax, điện thoại hoặc phương tiện khác, những phụ lục kèm theo của các thành viên Hội đồng quản trị được ký tại Công ty.

8. Sự tham gia của thành viên: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị là những cuộc họp được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần trăm thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp không có thành viên tham dự theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày diễn ra phiên họp tiếp theo. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

9. Biểu quyết:

a. Trường hợp quy định tại Khoản 9b của Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện của người có mặt trực tiếp có một phiếu cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất khẩu mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng không được tính vào số người biểu quyết tại những cuộc họp có một phiếu

ch c m t cu c h p H i ng qu n tr v nh ng quy t nh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t;

c. Theo quy nh Kho n 9d i u 27, khi có v n phát sinh trong m t cu c h p c a H i ng qu n tr liên quan n m c l i ích c a thành viên H i ng qu n tr ho c liên quan n quy n bi u quy t c a m t thành viên mà nh ng v n ó không c gi i quy t b ng s t nguy n t b quy n bi u quy t c a thành viên H i ng qu n tr ó, nh ng v n phát sinh ó s c chuy n t i ch to cu c h p và phán quy t c a ch to liên quan n t t c các thành viên H i ng qu n tr khác s có giá tr là quy t nh cu i cùng, tr tr ng h p tính ch t ho c ph m vi l i ích c a thành viên H i ng qu n tr liên quan ch a c công b m t cách thích áng;

d. Thành viên H i ng qu n tr h ng l i t m t h p ng c quy nh t i i u 33.4a và i u 33.4b c a i u l này s c coi là có l i ích áng k trong h p ng ó.

10. Công khai l i ích: Thành viên H i ng qu n tr tr c t i p ho c gián t i p c h ng l i t m t h p ng ho c giao d ch ã c ký k t ho c ang đ ki n ký k t v i Công ty và bi t là mình có l i ích trong ó, s phi công khai b n ch t, n i dung c a quy n l i ó trong cu c h p mà H i ng qu n tr l n u tiên xem xét v n ký k t h p ng ho c giao d ch này. Tr ng h p m t thành viên H i ng qu n tr không bi t b n thân và ng i liên quan có l i ích vào th i i m h p ng, giao d ch c KÝ v i Công ty, thành viên H i ng qu n tr này phi công khai Ho c thành viên này có th công khai i u ó t i cu c h p u tiên c a H i ng qu n tr c t ch c sau khi thành viên này bi t r ng mình có l i ích ho c s có l i ích trong giao d ch ho c h p ng li ên quan.

11. Bi u quy t a s : H i ng qu n tr thông qua các ngh quy t v à ra quy t nh b ng cách tuân theo ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ng qu n tr có m t (trên 50%). Tr ng h p s phi u tán thành và ph n i ngang b ng nhau, lá phi u c a Ch t ch s là lá phi u quy t nh.

12. H p trên i n tho i ho c các hình th c khác: Cu c h p c a H i ng qu n tr có th t ch c theo hình th c ngh s gi a các thành viên c a H i ng qu n tr khi t t c ho c m t s thành viên ang nh ng a i m khác nhau v i i u ki n là m i thành viên tham gia h p u có th :

a. Nghe t ng thành viên H i ng qu n tr khác cùng tham gia phát bi u trong cu c h p;

b. Phát bi u v i t t c các thành viên tham d khác m t cách ng th i;

Vi c trao i gi a các thành viên có th th c hi n m t cách tr c t i p qua i n tho i ho c b ng ph ng tin liên l c thông tin khác (k c v i c s đ ng ph ng tin này đi n ra vào th i i m thông qua i u l hay sau này) ho c là k t h p t t c nh ng ph ng th c này. Theo i u l này, thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p nh v y c coi là “có m t” t i cu c h p ó. a i m cu c h p c t ch c theo quy nh này là a i m mà nhóm thành viên H i ng qu n tr ông nh t t p h p l i, ho c n u không có m t nhóm nh v y, là a i m mà Ch to cu c h phi n đi n.

Các quy t nh c thông qua trong m t cu c h p qua i n tho i c t ch c và t i n hành m t cách h p th c s có hi u l c ngay khi k t thúc cu c h p nh ng phi c kh ng nh b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p này.

13. Ngh quy t theo hình th c l y ý ki n b ng v n b n c thông qua trên c s ki n tán thành c a a s thành viên H i ng qu n tr có quy n bi u quy t. Ngh quy t

này có hiệu lực và giá trị pháp lý quy định các thành viên Hội đồng quản trị thông qua quyết định của Hội đồng quản trị và thực hiện theo thông lệ.

14. Chức vụ Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyên biệt của Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản là bằng chứng xác thực về công việc đã thực hiện trong các quyết định khi có ý kiến phản đối nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị có nội dung về việc Vi phạm và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản có nội dung thành lập thành viên và nội dung biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quy định này, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đưa ra. Các quy định này có thể yêu cầu hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó có quyền biểu quyết với các thành viên của tiểu ban như (a) phải mời một số lượng thành viên bên ngoài ít nhất một thành viên của tiểu ban và (b) quy định của các tiểu ban có hiệu lực khi có sự đồng ý của thành viên tham dự và bị ủy quyền từ tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Việc thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có thẩm quyền thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị coi là có giá trị pháp lý kể trong trường hợp vì bất cứ lý do gì, thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY

i u 28 T ch c b máy qu n lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quy định mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nhiệm vụ lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp pháp.

i u 29. Cán b qu n lý

1. Theo nghị của Tổng giám đốc điều hành và các thành viên của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết về số lượng và chất lượng phù hợp với các yêu cầu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị xuất phát từ những yêu cầu. Cán bộ quản lý phải có sự đồng ý của các hội đồng và thực hiện của Công ty tuân theo các mục tiêu đưa ra.

2. Mục tiêu, tinh thần lao động, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quy định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quy định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điểm 30. Nhiệm vụ, nhiệm vụ và quy định của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm vụ: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị khác làm Tổng Giám đốc và ký hợp đồng trong quy định lao động, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến vị trí này. Thông tin về việc bổ nhiệm, hợp đồng, quy định của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong hồ sơ công đồng thường niên và nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm vụ: Nhiệm vụ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm kể từ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể tái bổ nhiệm. Vị trí bổ nhiệm có thể kết thúc vào các quy định tiếp theo lao động. Tổng Giám đốc không phải là người bị pháp luật cấm giữ vị trí này, tức là không phải là thành viên, người không có năng lực hành vi, người đã bị tước quyền, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên công an, cảnh sát, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ đang lãnh đạo trở nên phá sản.

3. Quy định và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc có những quy định và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị và hồ sơ công đồng, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch của Công ty đã được Hội đồng quản trị và hồ sơ công đồng thông qua;

b. Quyết định các vấn đề không cần phải có quy định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay đổi Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thẩm định, thực hiện và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo những quy định của Công ty theo những thông lệ quản lý tài chính;

c. Kiểm soát và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động kinh doanh các chức vụ quản lý tài chính do Hội đồng quản trị xuất, và từ việc Hội đồng quản trị quyết định về lao động, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quyết định số lượng người lao động, nhân viên, hợp đồng, lợi ích, vị trí bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp với kế hoạch tài chính năm nay.

f. Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Xuất bản báo cáo tài chính hàng năm và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các báo cáo tài chính dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là báo cáo tài chính) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ) cho tất cả các tài chính sẽ phải trình Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định trong các quy định của Công ty;

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều này và các quy định của Công ty, các quy định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các công đồng: Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người hành chủ trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Hội đồng công việc thực hiện nhiệm vụ và quy định của giao và phải báo cáo các công việc này khi cần yêu cầu.

5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người hành chủ trách nhiệm của Hội đồng quản trị trên cơ sở quy định tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người hành chủ trách nhiệm) và bổ nhiệm mới Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người hành chủ trách nhiệm thay thế. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người hành chủ trách nhiệm có quyền phân bổ vị trí bãi nhiệm của Hội đồng Quản trị Hội đồng công việc tiếp theo gần nhất.

Điều 31. Thụ ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thụ ký Công ty với nhiệm vụ và trách nhiệm theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thụ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành và lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm mới hay nhiệm vụ Trụ lý Thụ ký Công ty tùy theo thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thụ ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Hội đồng công đồng theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tổ chức và thực hiện các cuộc họp;
- d. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Thụ ký Công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định pháp luật và Điều Công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI HÀNH CHỦ TRÁCH NHIỆM

Điều 32. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người hành chủ trách nhiệm và cán bộ quản lý đều có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và vì lợi ích của các cổ đông mà họ đang nắm giữ. Họ không được lợi dụng vị trí của mình để trục lợi cá nhân hay phục vụ lợi ích cá nhân khác.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người hành chủ trách nhiệm không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì lợi ích cá nhân; ngược lại không được sử dụng những thông tin có liên quan đến công việc của mình để lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể nhận được thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nếu người nêu trên che giấu sự đồng ý này thì khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan sẽ quy định không truy cứu vụ việc này.

3. Công ty không cho phép các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà nếu người này có các lợi ích tài chính, trừ khi điều kiện công đồng có quy định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc nhân viên liên quan đến hợp đồng công ty, tác, chi phí, hoặc chi phí mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc nhân viên liên quan đến là thành viên, hoặc có lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì nhân viên quản lý nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý có một hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay ủy ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì nhân viên hoặc người khác công tính khi bị quy định trong đó, như:

a. Chi phí hợp lý có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nếu người quản lý hợp đồng hoặc giao dịch công đồng các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc ủy ban liên quan. Ngoài ra, Hội đồng quản trị hoặc ủy ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng cách phân tán thành các thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Chi phí hợp lý có giá trị không vượt quá 20% của tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nếu người quản lý hợp đồng hoặc giao dịch này công đồng các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định quy định trong đó, và nhân viên công đồng đã phân tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó công đồng chấp thuận công bố và hợp lý xét trên mối liên quan đến các công đồng của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay nhân viên có liên quan của họ không cho phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các chi phí của Công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có nhận được thông tin chắc chắn sẽ gây nên những giá trị nhân viên hoặc chi phí đó và các công đồng khác lợi ích không bị tổn hại thông tin này.

Điều 34 Trách nhiệm vị trí và bổ nhiệm

1. Trách nhiệm vị trí: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vì phạm nghĩa vụ hành nghề một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự bất cẩn, thiếu chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi phạm của mình gây ra.

2. Bổ nhiệm: Công ty sẽ bổ nhiệm cho nhân viên, ông và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, kiện, ông hoặc có thể

c tín hành cho dù đây là vị trí dân sự, hành chính (mà không phải là vị trí kinh doanh của Công ty) hay thu nhập quy định của Công ty) nhưng nếu đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đối tác của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đối tác của Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Nhưng chi phí của bất kỳ những bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuế thu nhập cá nhân), chi phí phán quyết, các khoản tín dụng, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thời gian coi là mất phí khi ghi quyết định về vị trí này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, vì vậy nếu là người đã hành nghề trung thực, cẩn trọng, cẩn thận và vì lợi ích chuyên môn theo nghề nghiệp mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chấp lợi ích cá nhân của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó tránh những trách nhiệm bất kỳ những nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35 Thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán kế hoạch tài chính và kế toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kế toán viên.

Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- Trì hoãn họp của Ban kiểm soát;
- Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;
- Loại bỏ và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình lên Hội đồng;

2. Các công có quy định phần trăm phi ưu đãi quy định tại nghị định liên nhau của các thành viên Ban Kiểm soát. Công hoặc nhóm công nhân giảm 5% đến 10% số vốn có quy định ưu đãi quy định trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng của năm (01) thành viên; từ 10% đến 30% của các thành viên (02) thành viên; từ 30% đến 40% của các thành viên (03) thành viên; từ 40% đến 50% của các thành viên (04) thành viên; từ 50% đến 60% của các thành viên (05) thành viên.

3. Trưởng ban kiểm soát các thành viên Ban Kiểm soát thông qua các và ngược lại không sử dụng chức năng, Ban Kiểm soát nên nhiệm vụ có thể thêm thành viên hoặc tổ chức các theo các công ty quy định tại Quy định nội bộ quản trị

công ty. Các thành viên của Ban Kiểm soát không được kiêm nhiệm các công việc khác của Ban Kiểm soát phi công khai minh bạch và rõ ràng và phải công khai những công việc thông qua các kênh thông tin hành chính.

4. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Hội đồng Giám đốc bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bị bãi nhiệm không hạn chế.

5. Thành viên Ban kiểm soát không có cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên có bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát.
- b. Thành viên có bị cấm công việc và bị thông báo công khai chính cho công ty;
- c. Thành viên có bị rớt tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có nghi ngờ về năng lực chuyên môn chuyên nghiệp thì Hội đồng Giám đốc không còn ngồi ghế hành vi;
- d. Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên có vắng mặt và đã phân quyền công việc của người này bằng văn bản;
- e. Thành viên có bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Hội đồng Giám đốc;

Điều 36 Ban Kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quy định và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật doanh nghiệp và Điều này, chịu trách nhiệm quy định và trách nhiệm sau đây:

- a. Xuất lập các thành viên của Ban kiểm soát, bao gồm các thành viên và mối liên quan của họ, rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- b. Thờ tụng về việc kiểm toán viên độc lập và tính chất và phạm vi kiểm toán các khi bắt đầu việc kiểm toán;
- c. Xin ý kiến từ các chuyên gia độc lập hoặc từ các pháp lý và mời họ tham gia các ngành chuyên gia bên ngoài công ty về kinh nghiệm trình chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu cần thiết;
- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trừ khi trình Hội đồng Giám đốc;
- e. Thờ tụng về những vấn đề khó khăn và tiến độ phát hiện các kết quả kiểm toán giả mạo hoặc các sai sót mà kiểm toán viên độc lập báo cáo;
- f. Xem xét thẩm quyền của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phân tích của ban quản lý công ty;
- g. Xem xét báo cáo của công ty về các hoạt động kiểm soát nội bộ trừ khi Hội đồng Giám đốc chấp thuận; và
- h. Xem xét những kết quả của kiểm toán nội bộ và ý kiến phân tích của Ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng Giám đốc, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan cho Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thành viên của Ban kiểm soát phải báo cáo các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Giám đốc và báo cáo các biên bản họp Hội đồng Giám đốc cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng cung cấp cho Hội đồng Giám đốc.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định và các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp ít nhất là hai người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Hội đồng quy định. Thành viên của Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thanh toán các khoản chi phí liên quan, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

XI. QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY:

Điều 37 Quy định về sách và hồ sơ

1. Công ty có một nhóm công nhân trong Điều 24.3 và Điều 36.2 của Điều lệ này có quyền tiếp xúc qua lại với công nhân công ty quy định, gia đình và bạn yêu cầu kiểm tra trong giờ làm việc và thời gian kinh doanh chính của công ty danh sách công nhân, các biên bản của Hội đồng và sao chép hồ sơ trích lệ các hồ sơ. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đi nhân hoặc đi nhân công ty quy định khác của công nhân kèm theo giấy quy định của công nhân mà người đi nhân hoặc bạn nhân sao công nhân của giấy quy định này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các bộ phận có quyền kiểm tra sổ sách công nhân của Công ty, danh sách công nhân và hồ sơ khác của Công ty vì nhu cầu liên quan đến việc của mình về việc kiểm tra các thông tin này phải có mặt.

3. Công ty sẽ phải có Điều lệ này và hồ sơ của nó sẽ được gửi, Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh, các quy định, các tài liệu chứng minh quy định của nhân, biên bản họp Hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật hiện hành chính hoặc khác về việc kiểm tra là các công nhân và quan hệ kinh doanh công nhân báo cáo và lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

Điều 38 Công nhân viên và Công đoàn

Tổng Giám đốc và các bộ phận khác của Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, bồi thường, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật về việc các bộ phận và người lao động công nhân nhân viên quan hệ của Công ty về các tổ chức Công đoàn công nhân theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý hiện tại, nhân viên thông lệ và chính sách quy định về Điều lệ này, các quy định của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

i u 39 C t c

1. Theo quy t nh c a i h i ng c ông và theo quy nh c a pháp lu t, c t c s c công b và chi tr t l i nhu n gi l i c a Công ty nh ng không c v t quá m c do H i ng qu n tr xu t sau khi ã tham kh o ý ki n c ông t i i h i c ông.

2. Theo quy nh c a Lu t doanh nghi p, H i ng qu n tr có th quy t nh thanh toán c t c gi a k n u xét th y vi c chi tr này phù h p v i kh n ng sinh l i c a Công ty.

3. Công ty không tr l i cho kho n ti n tr c t c hay kho n ti n chi tr liên quan n m t lo i c phi u.

4. H i ng qu n tr có th ngh i h i ng c ông thông qua vi c thanh toán toàn b hay m t ph n c t c b ng nh ng tài s n c th (nh c phi u ho c trái phi u ã c thanh toán y do công ty khác phát hành) và H i ng qu n tr là c quan th c thi ngh quy t này.

5. Tr ng h p c t c hay nh ng kho n ti n khác liên quan t i m t lo i c phi u c chi tr b ng ti n m t, Công ty s ph i chi tr b ng ti n ng Vi t Nam và có th thanh toán b ng séc ho c l nh tr ti n gi qua b u i n t i a ch ã ng ký c a c ông th h ng và tr ng h p có r i ro phát sinh (t a ch ã ng ký c a c ông) thì c ông ó ph i ch u. Ngoài ra, các kho n ti n tr c t c ho c các kho n ti n khác c chi tr b ng ti n m t liên quan t i m t lo i c phi u có th c chi tr b ng chuy n kho n ngân hàng khi Công ty ã có thông tin chi ti t v ngân hàng c a c ông nh m cho phép Công ty th c hi n c vi c chuy n kho n tr c ti p vào tài kho n ngân hàng c a c ông. Tr ng h p Công ty ã chuy n kho n theo úng các thông tin chi ti t v ngân hàng do c ông cung c p mà c ông ó không nh n c ti n, Công ty không ph i ch u trách nhi m v kho n ti n Công ty chuy n cho c ông th h ng. Vi c thanh toán c t c i v i các c phi u niêm y t t i S Giao d ch ch ng khoán/ Trung tâm Giao d ch ch ng khoán có th c ti n hành thông qua công ty ch ng khoán ho c Trung tâm l u ký.

6. Tr ng h p có s ch p thu n c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr có th quy t nh và thông báo r ng nh ng ng i s h u c ph n ph thông c nh n c t c b ng các c ph n ph thông thay cho c t c b ng ti n m t. Các c ph n b sung tr c t c này c ghi là nh ng c ph n ã thanh toán y ti n mua trên c s giá tr c a các c ph n tr c t c ph i t ng ng v i s ti n m t tr c t c.

7. C n c Lu t doanh nghi p, H i ng qu n tr có th thông qua ngh quy t quy nh m t ngày c th làm ngày khóa s ho t ng kinh doanh c a Công ty. C n c theo ngày ó, nh ng ng i ng ký v i t cách c ông ho c ng i s h u các ch ng khoán khác c quy n nh n c t c, lãi su t, phân chia l i nhu n, nh n c phi u, nh n thông báo ho c tài li u khác. Ngày khóa s này có th vào cùng ngày ho c vào th i i m tr c khi các quy n l i ó c th c hi n. i u này không nh h ng t i quy n l i c a hai bên trong giao d ch chuy n nh ng c phi u ho c ch ng khoán liên quan.

XIV.TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN

i u 40 Tài kho n ngân hàng

1. Công ty s m tài kho n t i m t ngân hàng Vi t Nam ho c t i các ngân hàng n c ngoài c phép ho t ng t i Vi t Nam.
2. Theo s ch p thu n tr c c a c quan có th m quy n, trong tr ng h p c n thi t, Công ty có th m tài kho n ngân hàng n c ngoài theo các quy nh c a pháp lu t.
3. Công ty s ti n hành t t c các kho n thanh toán và giao d ch k toán thông qua các tài kho n t i n Vi t Nam ho c ngo i t t i các ngân hàng mà Công ty m tài kho n.

i u 41 Qu d tr b sung v n i u l

Hàng n m, Công ty s ph i trích t l i nhu n sau thu c a mình m t kho n vào qu d tr b sung v n i u l theo quy nh c a pháp lu t. Kho n trích này không v t quá 5% l i nhu n sau thu c a Công ty và c trích cho n khi qu d tr b ng 10% v n i u l c a Công ty.

i u 42 N m tài khóa

N m tài khóa c a Công ty b t u t ngày u tiên c a tháng M t hàng n m và k t thúc vào ngày th 31 tháng 12 cùng n m. N m tài chính u tiên b t u t ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh (ho c gi y phép kinh doanh i v i nh ng ngành, ngh kinh doanh có i u ki n) và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 ngay sau ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh (gi y phép kinh doanh) ó.

i u 43 H th ng k toán

1. H th ng k toán Công ty s đ ng là H th ng K toán Vi t Nam (VAS) ho c h th ng k toán khác c B Tài chính ch p thu n.
2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t. Công ty s l u gi h s k toán theo lo i hình c a các ho t ng kinh doanh mà Công ty tham gia. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.
3. Công ty s đ ng ng Vi t Nam làm n v t i n t dùng trong k toán.

XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

i u 44. Báo cáo hàng n m, sáu tháng và hàng qu ý

1. Công ty ph i l p b n báo cáo tài chính hàng n m theo quy nh c a pháp lu t c ng nh các quy nh c a y ban Ch ng khoán Nhà n c và báo cáo ph i c ki m toán theo quy nh t i 46 c a i u l này, và trong th i h n 90 ngày k t khi k t thúc m i n m tài chính, ph i n p báo cáo tài chính hàng n m ã c i h i ng c ông thông qua cho c quan thu có th m quy n, y ban Ch ng khoán Nhà n c, S Giao d ch Ch ng khoán và c quan ng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính hàng n m ph i bao g m: Báo cáo k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình v lãi và l c a Công ty trong n m tài chính và b n cân i k toán ph n ánh m t cách trung th c và khách tình

hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tài sản và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính nhóm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải có kiểm toán phải công bố trên các công cụ công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba tuần tiếp theo. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính phải có kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải công bố trên website đó.

5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quy định kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm phải có kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giấy làm việc của Công ty, tài liệu chính của Công ty và phải trả một khoản phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 45. Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thu thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 46: Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Thời hạn đăng ký công ty năm sẽ chọn một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động pháp lý Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện tho thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm, cho biết các khoản thu chi của công ty, lập Báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải có Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải gửi kèm với bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ có phép tham dự mọi cuộc họp hội đồng và các quy định khác của thông báo và các thông tin khác liên quan đến hội đồng mà các công cụ quy định và công phát biểu ý kiến về những vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON D U

i u 48. Con d u

1. H i ng qu n tr s quy t nh thông qua con d u chính th c c a Công ty và con d u c kh c theo quy nh c a pháp lu t.
2. H i ng qu n tr, T ng Giám c s i u hành d ng và qu n lý con d u theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

XVIII. CH M D THO T NG VÀ THANH LÝ

i u 49. Ch m d tho t ng

1. Công ty có th b gi i th ho c ch m d tho t ng trong nh ng tr ng h p sau:
 - a. Khi k t thúc th i h n ho t ng c a công ty, k c sau khi ã gia h n ;
 - b. Tòa án tuyên b Công ty phá s n theo quy nh c a pháp lu t hi n hành ;
 - c. Gi i th tr c th i h n theo quy t nh c a i h i ng c ông
 - d. Các tr ng h p khác do pháp lu t quy nh.
2. Vi c gi i th Công ty tr c th i h n (k c th i h n ã gia h n) do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh gi i th n ày ph i thông báo hay xin ch p thu n c a c quan có th m quy n (n u b t bu c) theo quy nh.

i u 50. Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông.

Tr khi i u l này có quy nh khác, các c ông n m gi m t n a s c phi u ang l u hành có quy n bi u quy t trong b u c thành viên H i ng qu n tr có quy n n khi u n i t i tòa yêu c u gi i th theo m t hay m t s các c n c sau:

1. Các thành viên H i ng qu n tr không th ng nh t trong qu n lý các công vi c c a Công ty d n n tình tr ng không t c s phi u c n thi t theo quy nh H i ng qu n tr ho t ng.
2. Các c ông không th ng nh t nên không th t c s phi u c n thi t theo quy nh ti n hành b u c thành viên H i ng qu n tr .
3. Có s b t ng trong n i b và hai ho c nhi u phe cánh c ông b chia r khi n cho vi c gi i th s là ph ng án có l i h n c cho toàn th c ông.

i u 51. Gia h n ho t ng

1. H i ng qu n tr s tri u t p h p i h i ng c ông ít nh t b y tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c ông có th bi u quy t v vi c gia h n ho t ng c a Công ty thêm m t th i gian theo ngh c a H i ng qu n tr .
2. Th i h n ho t ng s c gia h n thêm khi có t 65% tr lên t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i đi n c y quy n có m t t i i h i ng c ông thông qua.

Điểm 52. Thanh lý

1. Thời hạn sáu tháng kể từ khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi cóมติ quy định gì thì Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm [ba] thành viên. Hai thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định một Công ty kế toán chấp. Ban Thanh lý sẽ chịu trách nhiệm các quy định hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể chấp nhận trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia chấp. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ do Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.

2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kết thúc nhiệm vụ, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tài sản của công ty sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bồi đắp cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nợ có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ đông ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điểm 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tranh chấp phát sinh tranh chấp hay khi xảy ra có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ nội bộ hay bắt đầu quy định hoặc do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giải quyết:

- a. Công vụ của Công ty;
- b. Công vụ của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc nội bộ hành hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ giữ vai trò giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu tất cả các bên trình bày các ý kiến liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, một bên nào đó có thể yêu cầu Hội đồng quản trị mời một chuyên gia chấp hành để giải quyết cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thể giải quyết hòa giải trong vòng sáu tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quy định của trung gian hòa giải nào không được các bên chấp nhận, một bên nào đó có thể đưa tranh chấp ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm XXI chương và 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nam Việt nhất trí thông qua ngày 25 tháng 05 năm 2013 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
- b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố
- c. 04 bản lưu trữ tại văn phòng Công ty

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 56. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐOẢN TỚI